TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/6/2025.
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Minh Tuấn.

2. Bà Phạm Thị Giang.

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:* Bà Đàm Thị Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc: *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 29/5/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST–HNGĐ ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Số B, Khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Tường V, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: TDP D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Trần Thị Tường V tự nguyện kết hôn với nhau, khi kết hôn có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/10/2024. Sau khi kết hôn chúng tôi sống chung với nhau được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi kết

hôn chúng tôi không có sự tìm hiểu mà thông qua mai mối và đi đến hôn nhân. Vì vậy, khi về sống chung do có sự chênh lệch về tuổi tác nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng, chúng tôi chỉ sống chung với nhau được khoảng 02 tháng thì cô Trần Thị Tường V bỏ về nhà mẹ đẻ tại huyện Đ, tỉnh Kon Tum để sinh sống và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay.

Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay và không còn thương yêu, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Trần Thị Tường V để giải quyết công việc đề cá nhân.

- Về con chung: Tôi và cô Trần Thị Tường V không có con chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Trần Thị Tường V*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến trả lời trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn M.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn M được ly hôn với chị Trần Thị Tường V.

Về con chung: Các đương sự không có con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn chị Trần Thị Tường V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, chị Trần Thị Tường V đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt chị Trần Thị Tường V theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn M và chị Trần Thị Tường V tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 04/10/2024. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị V là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh Phạm Văn M trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi kết hôn vợ chồng không có sự tìm hiểu mà thông qua mai mối và đi đến hôn nhân. Vì vậy, khi về sống chung do có sự chênh lệch về tuổi tác nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng, vợ chồng chỉ sống chung với nhau được khoảng 02 tháng thì chị Trần Thị Tường V bỏ về nhà mẹ đẻ tại huyện Đ, tỉnh Kon Tum để sinh sống và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Tại phiên tòa anh Phạm Văn M khẳng định hiện nay giữa anh và chị Trần Thị Tường V không có tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn sống chung, không còn thương yêu, quý trọng, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên

anh xin được ly hôn với chị Trần Thị Tường V để ổn định cuộc sống và giải quyết những vấn đề cá nhân, đối với bị đơn chị Trần Thị Tường V đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ đầu năm 2025 cho đến nay giữa anh Phạm Văn M và chị Trần Thị Tường V không còn sống chung với nhau, anh M sống tại Bình Dương còn chị V sống tại huyện Đ, tỉnh Kon Tum; vợ, chồng phần ai người ấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau, không còn thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, có thể thấy tình nghĩa vợ chồng giữa anh Phạm Văn M và chị Trần Thị Tường V không còn, mục đích hôn nhân hiện không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn M với chị Trần Thị Tường V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Theo anh Phạm Văn M trình bày thì vợ, chồng anh không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn anh Phạm Văn M cho rằng anh và chị V không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Xin ly hôn''* của nguyên đơn anh Phạm Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn M được ly hôn với chị Trần Thị Tường V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01 ngày 01/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- UBND P.An Phú, Tp Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Tiến